TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 93/2017/DS-PT
Ngày 19- 9 -2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Bà Vũ Thị Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/TLDS-PT ngày 07 tháng 8 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2017/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 90/2017/QĐ-PT ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1962
Cư trú tại: Số 199 PNT, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị K, sinh năm 1966
Cư trú tại: Số 12 CL, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1959; cư trú tại: Số 199 PNT, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1962; Cư trú tại: Số 199 PNT, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2017)

2. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 12 CL, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Phan Thị K, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 12 CL, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2017)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị K.

(Bà Đ, bà K có mặt, ông T, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2016 bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Từ năm 2011 đến năm 2014 bà có cho vợ chồng bà Phạm Thị K và ông Nguyễn Đức L vay số tiền 640.000.000đ, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 9%/tháng, vay nhiều lần, tuy nhiên có một số khoản vay có lãi, một số khoản vay thì không có lãi, hẹn khi nào cần thì sẽ trả. Bà K cũng chỉ trả được một ít tiền lãi sau đó thì không trả nữa, cụ thể Bà K đã trả được bao nhiêu tiền lãi thì bà không nhớ. Đến năm 2015 thì Bà K và ông L có trả cho bà được tổng số tiền là 229.000.000đ (Trong đó trả tiền mặt là 100.000.000đ và khấu trừ vào tiền mà con của bà mua vườn của Bà K là 190.000.000đ). Số tiền Bà K còn nợ chưa trả là 350.000.000đ tiền gốc nên đến ngày 13/4/2015 Bà K viết lại giấy nhận nợ mới là 350.000.000đ và hẹn sẽ trả dần, tuy nhiên Bà K chỉ trả thêm cho bà được 14.000.000đ sau đó thì không trả nữa. Bà đã nhiều lần yêu cầu Bà K trả cho bà số tiền còn lại là 336.000.000đ nhưng vợ chồng Bà K, ông L vẫn không trả. Ngoài ra Bà K, ông L còn mượn của vợ chồng bà 1.000kg cà phê nhân khô và hẹn đến ngày 15/11/2013 sẽ trả hết, tuy nhiên Bà K, ông L chỉ mới trả cho bà được 866 kg và còn nợ lại 134 kg đến nay vẫn chưa trả. Nay bà yêu cầu Bà K, ông L phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 336.000.000đ không tính lãi và 134kg cà phê nhân khô Bà K, ông L chưa trả. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Phan Thị K trình bày:

Vào năm 2011 bà có vay tiền của Bà Đ nhiều lần, mỗi lần vay chỉ khoảng vài chục triệu đồng; tổng cộng số nợ gốc là 160.000.000đ, cụ thể từng lần thì bà không nhớ, lãi suất thỏa thuận là 9%/tháng. Thời gian đầu bà có trả được lãi, nhưng sau đó do làm ăn khó khăn không trả được nên cả gốc và lãi cộng dồn lại là 350.000.000đ, bà có viết giấy nhận nợ số tiền này ghi ngày 13/4/2015. Sau đó bà có trả được cho Bà Đ 02 lần với tổng số tiền là 323.000.000đ trong đó có 01 lần bà bán đất cho con Bà Đ được khấu trừ số tiền 190.000.000đ, trả bằng tiền mặt là 133.000.000đ. Lý do sau khi bán đất cho con Bà Đ thì gặp trục trặc về đường đi nên Bà Đ không muốn nhận đất, sau khi thỏa thuận được đường đi thì do chủ quan hai bên không viết lại giấy nợ do đó vẫn còn giấy nhận nợ với số tiền là 350.000.000đ. Ngoài ra bà cũng thừa nhận có vay của Bà Đ 1.000kg cà phê nhân khô và đã trả cho Bà Đ được 866kg, nay bà chỉ còn nợ lại Bà Đ 134 kg cà phê nhân khô. Việc vay tiền và toàn bộ số cà phê nhân nêu trên là việc giao dịch giữa bà với Bà Đ không liên quan đến ông L chồng của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Phạm Văn T thống nhất với phần trình bày của bà Phạm Thị Đ.

Ông Nguyễn Đức L thống nhất với lời trình bày của Bà K.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL đã xử.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Văn T về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* đối với bị đơn bà Phan Thị K, ông Nguyễn Đức L.

Buộc vợ chồng bà Phan Thị K, ông Nguyễn Đức L phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Văn T số tiền 336.000.000đ và 134 kg cà phê nhân khô.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/6/2017 bị đơn Bà K kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BL.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn Bà Đ không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị K trả số tiền vay 336.000.000đ và 134 kg cà phê nhân khô, không yêu cầu trả lãi. Về phía bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ số tiền 27.000.000đ và 134 kg cà phê nhân khô nên các bên phát sinh tranh chấp. Do vậy xác định về quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà K, đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện:

Về số tiền vay: Từ năm 2011 giữa bà Phạm Thị Đ và bà Phan Thị K có quan hệ hợp đồng dân sự vay tiền nhiều lần với nhau. Đến ngày 13/4/2015 hai bên tiến hành chốt nợ, nội dung giấy nhận nợ Bà K ghi rõ: "*Vợ chồng tôi có mượn của Bà Đ số tiền là*

350.000.000đ, hàng tháng trả theo định kỳ 5.000.000đ và đến mùa cà phê từ tháng 12 đến tháng 2 sẽ trả thêm 40.000.000đ" (Bút lục 17). Về phía Bà K thừa nhận có viết và ký vào giấy chốt nợ do nguyên đơn xuất trình, nhưng cho rằng đã trả cho Bà Đ được 323.000.000đ trong đó 190.000.000đ Bà K cấn trừ về việc bán đất cho con của Bà Đ và 133.000.000đ trả bằng tiền mặt nên chỉ còn nợ số tiền là 27.000.000đ thì thấy: Ngày 08/4/2015 ông L và Bà K có lập hợp đồng chuyển nhượng cho con của Bà Đ là Phạm Trường Tr và vợ là Lê Thị Thu Th diện tích 1.650m^2 đất, đến ngày 13/4/2015 Bà Đ và Bà K tiến hành lập giấy chốt nợ với nhau và theo giấy chốt nợ do chính Bà K viết thì số tiền còn nợ Bà Đ là 350.000.000đ. Như vậy, việc chốt nợ giữa hai bên được diễn ra sau ngày Bà K và Bà Đ cấn trừ nợ với nhau là 05 ngày (ngày 08/4/2015 bán đất, đến ngày 13/4/2015 chốt nợ), về số tiền được cấn trừ nợ như nguyên đơn trình bày nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà K không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh, trong khi đó Bà Đ không thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm xác định phía bị đơn còn nợ của nguyên đơn 350.000.000đ, đã trả được 14.000.000đ, còn nợ 336.000.000đ là có căn cứ.

Về khoản vay cà phê: Ngày 13/8/2013 Bà Đ có cho Bà K vay 1000kg cà phê nhân, đến ngày 21/12/2014 Bà K trả được 866 kg, số cà phê nhân còn nợ lại 134 kg đã được Bà K thừa nhận.

[3] Trong các lần vay tiền và cà phê trên thì đều do ông L và Bà K ký tên xác nhận nợ. Nay Bà K kháng cáo cho rằng việc vay nợ chỉ có mình bà giao dịch, ông L không liên quan và không đồng ý trả nợ là nhằm trốn tránh nghĩa vụ nên cấp sơ thẩm đã buộc Bà K và ông L cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, Bà Đ số tiền gốc 336.000.000đ và 134 kg cà phê nhân là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Bà K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị K: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 21/6/2017 của Toà án nhân dân thành phố BL về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ với bị đơn bà Phan Thị K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Đức L. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ: Buộc bà Phan Thị K, ông Nguyễn Đức L phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Văn T số tiền 336.000.000đ (Ba trăm, ba mươi sáu triệu đồng) và 134 kg cà phê nhân khô.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị K, ông Nguyễn Đức L phải chịu 17.101.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền bà Kính đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005991 ngày ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL. Bà K, ông L còn phải nộp 17.101.000đ (Mười bảy triệu một trăm linh một ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ 8.564.000đ (Tám triệu, năm trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số AA/2015/0005587 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP BL;
- Chi cục THADS TP BL;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mừng